TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘ ĐỨC** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**
Số: 11/2019/QĐST-HNGĐ	*Mộ Đức, ngày 21 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2019/TLST – HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2019, giữa: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1995; Bị đơn: anh Trần Công T, sinh năm 1990. Cùng địa chỉ: thôn 5, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích V và anh Trần Công T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Bích V và anh Trần Công T tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung: có 01 con chung tên Trần Thị Thủy T, sinh ngày 03/3/2017. Sau khi ly hôn, chị Trần Thị Bích V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Trần Thị Thủy T; anh Trần Công T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000^{đ} (một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 13/02/2019. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị Bích V và anh Trần Công T khai không có.

2.4. Về nợ chung: chị Nguyễn Thị Bích V và anh Trần Công T khai không có.

2.5. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Bích V tự nguyện chịu 150.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2016/0003797 ngày 03/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộ Đức; chị V được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Anh Trần Công T tự nguyện chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Nhuận;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Minh Vương